

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Quảng Trị. Địa chỉ: Số 195 Hữu Nghị, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam; Số tài khoản: 112696356789 Tại Ngân hàng VietinBank – CN Quảng Bình. Mã số thuế: 0400101394-002 Điện thoại: 0232.2241283 Email: dlqt.pl@gmail.com.
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Tên gói thầu: 01/XL: Thi công xây lắp dự án Cấp điện NMSX Viên nén gỗ Planted Forest Biomass Quảng Trị tại CCN Hải Chánh. Tên dự án: Cấp điện NMSX Viên nén gỗ Planted Forest Biomass Quảng Trị tại CCN Hải Chánh. Địa điểm xây dựng: Xã Diên Sanh, Nam Hải Lãng - tỉnh Quảng Trị.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Xã Diên Sanh, Nam Hải Lãng - tỉnh Quảng Trị và được xác định trong Bản vẽ đã được phê duyệt tại Quyết định số 3920/QĐ-QTPC ngày 24/6/2026.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày Chủ đầu tư thông báo khởi công xây dựng.

E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Công ty Điện lực Quảng Trị. Địa chỉ: Số 195 Hữu Nghị, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam; Số tài khoản: 112696356789 Tại Ngân hàng VietinBank – CN Quảng Bình. Mã số thuế: 0400101394-002 Điện thoại: 0232.2241283 Email: dlqt.pl@gmail.com. - Tư vấn giám sát là: (ĐTRR)
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); 3. Biên bản thương thảo hợp đồng; 4. E-ĐKC của hợp đồng; 5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; 7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu; 8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); 9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang.

Thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày: hết ngày thứ 28 sau khi bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng và bên A nhận được bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 5 (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5 (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
- Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

	Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 15 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: Không áp dụng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với

	người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 365 ngày, kể từ ngày dự án đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Xã Diên Sanh, Nam Hải Lãng, tỉnh Quảng Trị.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Địa điểm: Xã Diên Sanh, Nam Hải Lãng, tỉnh Quảng Trị. Thời gian: Là ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu và lập biên bản bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 15 ngày. Giải quyết tranh chấp: 1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng. 2. Trong trường hợp không thương lượng được thì các Bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Bên A (Công ty Điện lực Quảng Trị) đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định của pháp luật. - Nhà thầu có thời hạn 56 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Là ngày Chủ đầu tư thông báo khởi công xây dựng. - Ngày hoàn thành dự kiến: Tổng thời gian thực hiện gói thầu không quá 300 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành, nghĩa vụ bảo hành bắt đầu tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu

	hoàn thành gói thầu đưa vào sử dụng), trong đó: Thời gian cung cấp vật tư thiết bị, hoàn thành nghĩa vụ thi công xây lắp, nghiệm thu bàn giao gói thầu không quá 270 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 14h00 ngày thứ 5 hàng tuần. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 20.000.000 VNĐ
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu, mẫu, kết quả kiểm nghiệm, catalogue, biên bản thí nghiệm các loại thiết bị trước khi đưa vào công trình. Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư cấp cho công trình.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Tối đa 30% giá trị hợp đồng.

- Thời gian tạm ứng: 20 ngày kể từ ngày công trình được cấp vốn và Chủ đầu tư nhận được hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ của Nhà thầu và Nhà thầu xuất trình cho Chủ đầu tư đầy đủ các chứng từ sau:

+ 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

+ 01 bản chính Giấy đề nghị tạm ứng.

+ 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Bảo lãnh tạm ứng.

- Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định trong hợp đồng với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực đến khi bên Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng.

- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm

	ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng." - Quản lý chi phí tạm ứng: Sau khi ký hợp đồng, nhà thầu phải trình cho CĐT kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng (như mua xi măng, sắt thép xây dựng, thép mạ kẽm, thuê nhân công, ...), trong đó có thể hiện các mốc tiến độ vật tư được tập kết đến công trường. Nhà thầu có trách nhiệm nộp cho CĐT các tài liệu chứng minh về sử dụng tiền tạm ứng như hợp đồng, chứng từ thanh toán. CĐT sẽ kiểm soát tiến độ cung cấp vật tư đến công trường theo kế hoạch. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu sử dụng khoản tạm ứng không đúng cho công trình thì sẽ tiến hành thu bảo lãnh tạm ứng của nhà thầu. - Phương thức thu hồi tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết. Bên B phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi Bên A kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng. Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A. Trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng, toàn bộ khoản tạm ứng sẽ được thu hồi thông qua bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng đã phát hành cho nhà thầu.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: - Việc nghiệm thu thanh toán cho Nhà thầu được thực hiện tối đa là 04 lần (không kể lần tạm ứng) trong quá trình thực hiện hợp đồng. - Thời gian thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày công trình được cấp vốn và Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu. - Giá hợp đồng trọn gói cho từng đơn vị, cấu kiện như tiên lượng kèm theo. Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá trong hợp đồng. Hồ sơ thanh toán gồm:

	+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng kèm theo Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu. + Giấy đề nghị thanh toán. + Hóa đơn. - Các lần thanh toán: Sau khi nhà thầu giao đủ hồ sơ thanh toán, các hồ sơ liên quan được phê duyệt, giá trị thanh toán là 90% giá trị nghiệm thu trước thuế và 100% tiền thuế VAT trừ đi tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKC 42.1. - Lần thanh toán cuối: Sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành, công trình được phê duyệt quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện sau khi đã trừ các lần thanh toán trước. - Thanh toán phần phát sinh ngoài hợp đồng: Hai bên thỏa thuận thực hiện xây dựng đơn giá cho khối lượng phát sinh mới trên cơ sở các quy định của Nhà nước về quản lý chi phí công trình.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép
E-ĐKC 46.1	Phản tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10% giá trị thanh toán. Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 (%) Giá trị hợp đồng. Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

	Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành. Thời gian bảo hành công trình: tối thiểu 12 tháng.
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: * Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: - Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng. - Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh. Khối lượng phát sinh hợp lý và được xác định là không phải lỗi của nhà thầu thì sẽ được thanh toán và giá trị phát sinh phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá phát sinh. Phương pháp xác định giá trị phát sinh như sau:

	a. Trường hợp công việc phát sinh có đơn giá trong hợp đồng đã ký: - Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá của công việc tương ứng đã có trong hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng trước đó (nếu có). b. Trường hợp công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng: Thực hiện theo văn bản số 7053/EVNCPC-QLĐT+ĐT ngày 09/10/2023 của Tổng Công ty Điện lực miền Trung về việc xác định giá trị phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trên cơ sở dự toán của công việc phát sinh được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, đơn giá các khối lượng phát sinh được tính: $+ \text{ĐGPS} = \text{DT} \times \text{tỷ lệ \%} (1 - (\text{DTGT} - \text{GTT}) / \text{DTGT}) * 100\%.$ Trong đó: - ĐGPS: Đơn giá của công việc phát sinh mới; - DT: Dự toán của công việc phát sinh được lập theo quy định; - $(\text{DTGT} - \text{GTT}) / \text{DTGT} * 100\%$: tỷ lệ % của giá trúng thầu trên giá dự toán gói thầu được phê duyệt. ** Điều chỉnh tiến độ: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra”. d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 20% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	1. Mức phạt:

	Nếu nhà thầu vi phạm về thời gian hoàn thành, chất lượng công việc, an toàn lao động, vệ sinh môi trường như quy định tại Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, nhà thầu sẽ bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công việc, khối lượng công việc, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. 1.1 Hình thức xử phạt: Mọi hành vi vi phạm phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Bên vi phạm phải chịu phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) và/hoặc buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả và/hoặc chế tài khác phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định này. Phạt tiền: mức phạt không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm; bao gồm phạt vi phạm về tiến độ, chất lượng, quyết toán hợp đồng và các vi phạm khác (an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCC,...). Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra không giới hạn giá trị, xác định trên cơ sở những thiệt hại Chủ đầu tư phải gánh chịu do vi phạm của nhà thầu, bao gồm nhưng không giới hạn: - Các chi phí chủ đầu tư phải thanh toán để khắc phục hậu quả do vi phạm: sửa chữa, thay thế, kể cả thuê bên thứ ba thực hiện khắc phục một phần hoặc toàn bộ hậu quả. - Các chi phí phát sinh khác chủ đầu tư phải trả cho bên thứ ba do hành vi vi phạm của nhà thầu (ví dụ: giám định, luật sư, phiên dịch, kiểm toán,...). - Các khoản thu nhập, lợi nhuận Chủ đầu tư có thể được hưởng, nhưng bị mất đi do hành vi vi phạm của nhà thầu. - Các chi phí có liên quan khác. Các biện pháp khắc phục hậu quả (áp dụng tùy trường hợp cụ thể): - Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị vi phạm do hành vi vi phạm gây ra. - Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm gây ra. - Buộc thực hiện đúng quy trình, quy định về thi công xây dựng công trình. - Buộc trình biện pháp xử lý sự cố vi phạm và thực hiện xử lý sự cố vi phạm đến khi được các bên liên quan đồng ý nghiệm thu. Các chế tài áp dụng khác: - Chuyển hồ sơ cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật (nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật). - Tạm ngừng thi công một phần hoặc toàn bộ công việc vi phạm, thời gian dừng thi công vẫn tính vào tiến độ thi công của nhà thầu vi phạm. - Di chuyển toàn bộ các trang thiết bị, phương tiện, vật dụng không đảm bảo tiêu chuẩn, quy cách, không đảm bảo an toàn ra khỏi phạm vi công trường. Thanh toán toàn bộ các chi phí liên quan (như chi phí
--	---

vận chuyển trong trường hợp chủ đầu tư phải thuê đơn vị khác thực hiện công tác di chuyển thiết bị không đảm bảo ra khỏi phạm vi công trường đến nơi quy định, không bao gồm trong số tiền phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại nêu tại hợp đồng và Quy định này). Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các mất mát, hư hỏng và/hoặc giảm sút giá trị của các tài sản trong thời gian thực hiện công tác di chuyển.

1.2 Các bước thực hiện xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại

Đối với các vi phạm đã có chứng cứ/ hình ảnh/cơ sở pháp lý rõ ràng: QTPC thông báo (bằng văn bản) cho nhà thầu về hành vi vi phạm, mức phạt áp dụng kèm theo chứng cứ/hình ảnh/cơ sở pháp lý chứng minh vi phạm. Các khoản tiền phạt sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ ngay lần thanh toán tiếp theo gần nhất của nhà thầu.

Đối với các vi phạm còn lại:

Ngay khi phát hiện vi phạm, Đơn vị Giám sát phối hợp các bên liên quan lập biên bản vi phạm tại hiện trường theo mẫu đính kèm quy định này gửi về QTPC (qua đơn vị QLDA). Nội dung biên bản chủ yếu như sau:

- Xác định hành vi vi phạm và mức phạt (nếu xác định được tại thời điểm lập biên bản) hoặc xác định thời hạn thông báo mức phạt cụ thể cho nhà thầu kể từ ngày lập biên bản (nếu không xác định được tại thời điểm lập biên bản).
- Xác định thiệt hại, bao gồm có thiệt hại, không có thiệt hại hoặc chưa xác định được thiệt hại tại thời điểm lập biên bản và chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu sau khi xác định được các thiệt hại (nếu có).
- Yêu cầu di dời ngay tài sản/phương tiện/vật dụng vi phạm ra khỏi công trường hoặc tạm thu các tài sản/phương tiện này.
- Các biện pháp khắc phục/sửa chữa.

QTPC thông báo (bằng văn bản) cho nhà thầu về kết quả xác định hành vi vi phạm, mức phạt áp dụng, giá trị thiệt hại tạm tính và các khoản bồi thường thiệt hại, thời hạn phải phản hồi. Nếu nhà thầu không phản hồi bằng văn bản cho Chủ đầu tư trong thời hạn quy định được ghi tại thông báo của QTPC thì xem như nhà thầu đồng ý các nội dung theo văn bản phát hành.

Trong trường hợp nhà thầu không đồng ý với mức phạt, mức đền bù theo thông báo của Chủ đầu tư, có thể mời nhà thầu đến họp để thống nhất mức bồi thường trong vòng từ 02 đến 07 ngày làm việc tùy trường hợp cụ thể. Trong quá trình họp sẽ có biên bản cuộc họp thống kê các vi phạm sau đó các bên sẽ ký xác nhận vào biên bản cuộc họp để thống nhất các vi phạm và mức phạt. Nếu Nhà thầu không đồng ý ký biên bản thì Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát sẽ xác nhận các vi phạm và mức phạt để ký hoàn tất biên bản. Các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ ngay lần thanh toán tiếp theo gần nhất. Trường hợp các bên không thỏa thuận được các khoản bồi thường thiệt hại hoặc nhà thầu không đến và/hoặc không

phản hồi trong thời hạn thông báo, Chủ đầu tư được quyền áp dụng mức tạm giữ 60% giá trị thiệt hại tạm tính cho đến khi có kết quả giám định hoặc thỏa thuận xong giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, nhà thầu sẽ không có bất kỳ khiếu nại/thắc mắc nào.

Tại thời điểm quyết toán, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thống nhất các khoản bồi thường thiệt hại thực tế và sẽ khấu trừ vào giá trị quyết toán hợp đồng. Trường hợp không thống nhất được các khoản bồi thường thiệt hại, thì một hoặc cả hai bên có quyền chỉ định một chuyên gia hoặc đơn vị giám định độc lập theo đề xuất của Chủ đầu tư để xác định/đánh giá giá trị các thiệt hại thực tế mà nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư. Quyết định của chuyên gia hoặc đơn vị giám định độc lập về các khoản bồi thường thiệt hại sẽ có hiệu lực ràng buộc áp dụng ngay đối với các bên đề thanh/quyết toán. Chi phí cho chuyên gia hoặc đơn vị giám định độc lập do bên sai phạm chi trả và kết quả này là căn cứ cuối cùng để thanh lý hợp đồng trừ khi có phán quyết khác của Tòa án.

1.3 Xử lý tái phạm:

Áp dụng mức xử phạt vi phạm lần đầu đối với các trường hợp vi phạm bị phát hiện lần đầu.

Đối với các hành vi vi phạm cùng loại xảy ra từ lần thứ hai trở đi mà trước đó nhà thầu đã bị phạt nhưng không có biện pháp khắc phục vi phạm hoặc khắc phục không triệt để hoặc không có biện pháp kiểm soát thích hợp dẫn đến hành vi vi phạm tiếp tục xảy ra, áp dụng mức xử lý tái phạm có thể gấp 02 hoặc gấp 03 lần giá trị mức phạt lần đầu tùy mức độ vi phạm. Mức xử lý cụ thể đối với các trường hợp tái phạm:

- Tái phạm lần 1, lần 2: phạt gấp 02 lần mức phạt vi phạm lần đầu.
- Tái phạm từ lần 3 trở đi: Phạt gấp 03 lần mức phạt vi phạm lần đầu.
- * Ghi chú: Trong mọi trường hợp, tổng các mức phạt do tái phạm không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

2. Về chậm tiến độ:

Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu:

- + Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt (12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm), hoặc
- + Nếu sau 02 lần phải điều chỉnh Tiến độ cấp 2 (đã được Chủ Đầu tư chấp thuận) mà nhà thầu vẫn tiếp tục không đạt tiến độ cấp 2 (Mỗi lần điều chỉnh tiến độ, Chủ Đầu tư gửi nhà thầu 01 văn bản cảnh báo).
- Các mức phạt :

Trong thời gian thực hiện thi công, nhà thầu vi phạm tiến độ cấp 2 thì mức phạt tiến độ của mỗi tuần vi phạm được quy định như sau:

- + Phạt 1%/tuần phần Hợp đồng bị vi phạm chậm cho mỗi tuần chậm trễ so với tiến độ cấp 2 được duyệt
- + Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.

	Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Nhà thầu sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: + Chậm tuần đầu tiên : phạt 0,15%/ngày giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm; + Chậm 02 tuần tiếp theo : phạt 0,3%/ngày giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm; + Chậm 01 tuần tiếp theo : phạt 0,4%/ngày giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm; Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu. Trường hợp Nhà thầu vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng quá 56 ngày, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng. Ngoài ra, có thể chịu các mức phạt bổ sung ngoài mức phạt theo quy định hợp đồng cho các vi phạm sau: + Không nộp bảng tiến độ thi công chi tiết (tiến độ cấp 2) trong khoảng thời gian hợp đồng quy định hoặc không cập nhật biểu tiến độ thi công chi tiết định kỳ: Phạt 20.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; + Không lập kế hoạch tiến độ tháng, tuần (tiến độ cấp 3) và báo cáo khối lượng thực hiện định kỳ theo quy định: Nhắc nhở khi vi phạm lần 1. Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm thứ 2 trở đi và buộc khắc phục ngay; + Vi phạm tiến độ thi công chi tiết (tiến độ cấp 2) đã được Chủ đầu tư phê duyệt: Phạt từ 1.000.000đ đến 5.000.000đ/lần vi phạm, tùy vào mức độ ảnh hưởng của việc chậm tiến độ hạng mục đối với tiến độ tổng thể dự án. Ngoài ra có thể áp dụng hình thức phạt tạm giữ thanh toán khối lượng hoàn thành trong kỳ nếu nhà thầu vẫn không có biện pháp đẩy nhanh tiến độ trong thời gian áp dụng hình thức phạt lần 1; + Nhà thầu cam kết cấp hàng trong vòng 30-60 ngày sau khi Hợp đồng có hiệu lực: chậm tiến độ cấp hàng phạt từ 2.000.000đ/ngày. Ngoài ra có thể áp dụng hình thức phạt tạm giữ thanh toán khối lượng hoàn thành trong kỳ nếu nhà thầu vẫn không có biện pháp đẩy nhanh tiến độ trong thời gian áp dụng hình thức phạt lần 1; + Vi phạm chậm tiến độ cấp hàng phần Vật tư, vật liệu do Nhà thầu cấp: Phạt từ 3.000.000đ/ngày. Ngoài ra có thể áp dụng hình thức phạt tạm giữ thanh toán khối lượng hoàn thành trong kỳ nếu nhà thầu vẫn không có biện pháp đẩy nhanh tiến độ trong thời gian áp dụng hình thức phạt lần 1; Nhà thầu cam kết thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình: + Nhà thầu chủ động phối hợp (kinh phí, nhân lực...) với chính quyền địa phương, các cơ quan Nhà nước và Đội quản lý điện sở tại để giải quyết tất cả các vướng mắc trong giải phóng mặt bằng thi công;
--	--

	+ Nhà thầu phải phối hợp với Chủ đầu tư (kinh phí, nhân lực...) trong công tác cấp phép, điều chỉnh cấp phép với chính quyền phường xã, Sở xây dựng, Khu quản lý đường bộ II. 3. Về vi phạm chất lượng: - Trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, ngoài việc bồi thường mọi kinh phí sửa chữa theo quy định tại E-ĐKC 49.2, nếu việc sửa chữa phải kéo dài thời gian hoàn thành theo tiến độ cấp 2 được duyệt hoặc thời gian hoàn thành công trình dẫn đến chậm trễ tiến độ của công trình thì mức phạt được tiếp tục áp dụng như xử lý phạt do chậm tiến độ ở khoản 1 nói trên. Ngoài việc bị phạt theo các quy định nêu trên, nhà thầu sẽ bị đánh giá về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. - Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ bảo đảm chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt đến 10% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Ngoài ra, nhà thầu có thể chịu các mức phạt bổ sung ngoài mức phạt theo quy định hợp đồng cho các vi phạm sau: Công tác bê tông: + Vi phạm công tác bảo dưỡng bê tông: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải khắc phục ngay; + Vi phạm chất lượng bê tông : Phạt 5.000.000đ/cấu kiện và phải đục bê tông xử lý, thậm chí đập bỏ thi công lại; + Bề mặt cấu kiện bê tông bị lỗi lõm sau khi đổ bê tông: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải khắc phục bằng phụ gia; + Kéo dài thời gian đổ bê tông so với quy định: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải khắc phục ngay; + Trộn bê tông mà không có biện pháp lót sàn: Phạt 1.000.000đ/lần; Công tác cốt thép: + Vi phạm công tác bảo quản, vệ sinh thép đưa vào thi công: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải đưa ra khỏi công trường nếu thép bị han gỉ; + Vi phạm quy trình thi công thép (số lượng, đường kính thép, khoảng cách thép, chiều dài neo,...): Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải tháo dỡ cấu kiện đã thi công; Công tác cốp pha: + Vi phạm quy trình thi công cốp pha (không đảm bảo hình dáng, kích thước kết cấu theo thiết kế; không kín khít; không đảm bảo độ cứng, độ ổn định,...) : Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải tháo dỡ cấu kiện đã thi công; + Không vệ sinh sạch cốp pha trước khi đổ bê tông: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải khắc phục ngay; + Tháo dỡ cốp pha sớm hơn so với quy định kỹ thuật: Phạt
--	--

	5.000.000đ/lần vi phạm. Phải chống đỡ lại hoặc đập bỏ thi công lại nếu gây ảnh hưởng đến chất lượng kết cấu; Công tác dựng cột: + Dựng cột không đúng biện pháp thi công được phê duyệt: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải khắc phục ngay; Công tác lắp đặt cấu kiện, thiết bị: + Nhà thầu không bố trí dụng cụ, đồ nghề phù hợp với phương án thi công được phê duyệt hoặc thực tế (kéo cáp ngầm và đường dây trên không bằng xe,...): Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải khắc phục ngay; + Lắp đặt cấu kiện, thiết bị không đúng quy định, hướng dẫn, thiết kế (chưa gây ra sự cố): làm đầu cáp ngầm khi thời tiết không đảm bảo, công nhân không có chứng chỉ,...: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải khắc phục ngay; <i>Ghi chú: Mọi khoản phạt tiền mặt chỉ có giá trị khi có biên bản hiện trường kèm ảnh chụp/video được ký xác nhận bởi TVGS và Chỉ huy trưởng công trường trong vòng 24h kể từ khi phát hiện.</i> 4. Về nhân lực thi công: Đơn vị QLDA và đơn vị giám sát sẽ kiểm tra và không cho Nhà thầu triển khai thi công trong mọi trường hợp nếu chưa đảm bảo về số lượng và thành phần nhân sự được nêu trong hợp đồng, đồng thời sẽ có văn bản thông báo cho Nhà thầu lý do, mời Nhà thầu vào làm việc và có hướng khắc phục. Nếu Nhà thầu vi phạm về việc đảm bảo về số lượng và thành phần nhân sự được nêu trong hợp đồng được đơn vị QLDA gửi thông báo bằng văn bản đến 3 lần (3 lần vi phạm), chủ đầu tư/QLDA thực hiện chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu và thông báo về EVNCPC để xem xét không chấp thuận nhà thầu tham dự các gói thầu của các đơn vị thuộc EVNCPC. Ngoài ra, nhà thầu có thể chịu các mức phạt bổ sung ngoài mức phạt theo quy định hợp đồng cho các vi phạm sau: + Không bố trí đúng, đủ cán bộ quản lý theo Hợp đồng hoặc năng lực cán bộ trên công trường không đạt yêu cầu: Phạt 1.000.000đ/người /ngày vi phạm, đồng thời đưa cán bộ không đủ năng lực ra khỏi công trường; + Không bố trí đúng, đủ công nhân, VTTB theo hợp đồng, phương án thi công: Phạt 200.000đ/người (loại VTTB) /lần vi phạm; + Nhà thầu không bố trí đủ nhân lực, phương tiện hoặc biện pháp thi công không hợp lý dẫn đến trả lười trễ: Phạt 5.000.000đ đến 10.000.000đ/lần vi phạm; 5. Về khối lượng: Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện Hợp đồng thì sẽ bị phạt một khoản tiền trị giá 5% giá trị Hợp đồng và tịch thu khoản tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng. 6. Về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCC, ANTT:
--	--

6.1. An toàn lao động:

6.1.1 Chính sách về an toàn:

- a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận;
- b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn;
- c) Các yêu cầu cơ bản về ATVSLĐ, PCCC&CNCH của dự án phải được thể hiện trong Kế hoạch tổng hợp về an toàn do Nhà thầu lập và được Ban QLDA thông qua trước khi thi công;
- d) Hàng năm trước mùa mưa bão, nhà thầu thi công phải lập kế hoạch PCTT&TKCN theo quy định.

Các chính sách, quy định về an toàn trên công trường thi công phải đầy đủ và phù hợp với quy mô, đặc thù của từng công trình; nội dung quy định ngắn gọn, tập trung cho từng loại hình công việc và được ban hành chính thức từ người có thẩm quyền của nhà thầu.

Các quy định được gắn tại nơi làm việc để dễ đọc và trao đổi với tất cả mọi người.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện các chính sách, quy định đã đề ra và cập nhật đảm bảo phù hợp với giai đoạn thi công và điều kiện công việc;

e) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;

f) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;

g) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

6.1.2 Yêu cầu thực hiện:

a. Các bên tham gia công tác thi công xây dựng phải lập hồ sơ văn bản pháp luật, quy chế, nội quy, quy trình, quy định trên công trường đảm bảo mục tiêu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau:

- Nội quy, quy định về công tác an toàn trên công trường;
- Phân công trách nhiệm đảm bảo công tác an toàn của các bên liên

	quan đối với phần việc được giao thực hiện; - Quy định hình thức xử lý vi phạm khi để xảy ra mất an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, ảnh hưởng đến sức khỏe NLĐ; - Quy định về trao đổi thông tin và phản hồi, phản ánh về công tác an toàn; - Quy định về sử dụng máy móc thi công, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, đăng kiểm an toàn, vệ sinh môi trường. b. Triển khai thực hiện: - Các bên tham gia công tác thi công xây dựng công trình phải bố trí nhân lực thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực thi công tác an toàn; khuyến khích đại diện về sức khỏe và an toàn của NLĐ tham gia tích cực vào quy trình và hoạt động giám sát an toàn. - Công bố sơ đồ tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn trên công trường thi công; ban hành quyết định phân công và thông báo nhiệm vụ quyền hạn của những người quản lý an toàn trên công trường. - Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, phổ biến và tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, trong đó bao gồm việc phổ biến chính sách ATVSLĐ và phương án khẩn cấp liên quan đến công việc của NLĐ. - Cung cấp các trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp với đặc thù công việc cho NLĐ và lập sổ theo dõi cấp phát; - Lập, duyệt và diễn tập phương án PCCC&CNCH và phương án PCTT&TKCN; - Lập kế hoạch và tổ chức khám, quản lý sức khỏe cho NLĐ và phòng chống lây lan dịch bệnh, cấp cứu theo quy định; - Thiết lập cơ chế đảm bảo an ninh, an toàn trong phạm vi diện tích thi công của nhà thầu và các giao diện với CĐT/Ban QLDA và các nhà thầu khác (nếu có), bao gồm cả công tác làm rào chắn, nhận diện, kiểm soát người ra vào khu vực thi công xây dựng; - Lắp đặt các biển báo, biển tuyên truyền, chỉ dẫn, khẩu hiệu, áp phích trên công trường; - Có cơ chế cho phép NLĐ trực tiếp trao đổi thông tin qua đường dây nóng phản ánh các hiện tượng mất an toàn; - Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo tính hiệu quả của hệ thống quản lý an toàn trên công trường theo quy trình đánh giá nội bộ hoặc theo yêu cầu của CĐT/ cơ quan quản lý nhà nước; - Thực hiện báo cáo định kỳ về năng lực và hiệu quả thực hiện công tác an toàn của dự án. 6.1.3 Trách nhiệm của NTXD: - Thực hiện trách nhiệm quản lý an toàn trong thi công xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng và Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Có nghĩa vụ đảm bảo an toàn và sức khỏe của NLĐ, kể cả các lao
--	---

động ngăn hạn khi thực hiện dự án;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn; đảm bảo kế hoạch này được chấp nhận và thực hiện hiệu quả ở mọi cấp độ giám sát của nhà thầu, kể cả việc tự giám sát của NLD;

- Trước khi tiến hành thi công xây dựng một nội dung công việc cụ thể, NTXD có trách nhiệm lập hồ sơ thiết kế biện pháp tổ chức thi công cho công việc cụ thể này, trong đó phải nêu rõ các biện pháp cụ thể đảm bảo an toàn cho NLD máy móc, thiết bị, phương tiện thi công và các công trình hạ tầng liên quan, trình Ban QLDA xem xét phê duyệt. Đối với các công việc đòi hỏi NLD phải có chứng chỉ hành nghề, phương tiện thi công phải được kiểm định thì các tài liệu chứng chỉ hành nghề, phiếu kiểm định còn thời hạn phải được tập hợp trong biện pháp thi công. Tài liệu này sẽ được sử dụng làm căn cứ để thực hiện và giám sát công tác đảm bảo an toàn cho hạng mục công việc này. Trường hợp các biện pháp đảm bảo an toàn liên quan đến nhiều bên thì phải được các bên thỏa thuận. Trước khi triển khai thi công hoặc bắt đầu vào công trường thì phải có phổ biến, nhắc nhở về công tác an toàn, hình thức phù hợp với điều kiện của các đơn vị;

- Quy định cụ thể quyền lợi, trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân có nhiệm vụ kiểm soát an toàn và đánh giá rủi ro trong hệ thống quản lý an toàn của nhà thầu;

- Tổ chức xử lý các vấn đề phát sinh về công tác an toàn trên công trường và các tồn tại theo ghi nhận của các bên liên quan;

- Bảo đảm điều kiện an toàn về PCCC&CNCH, PCTT&TKCN thuộc phạm vi quản lý của mình;

- Người thực hiện công tác an toàn của NTXD phải luôn có mặt trên công trường để giám sát và đôn đốc NLD thực hiện đầy đủ các quy định; các nội dung về thực hiện công tác an toàn phải được ghi nhật ký hàng ngày theo quy định;

- Định kỳ báo cáo CĐT/đại diện CĐT về kết quả thực hiện công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình theo quy định của hợp đồng xây dựng và các nội dung có liên quan khác.

6.1.4 Xử lý sự cố trên công trường:

a. Báo cáo nhanh:

- Thực hiện báo cáo nhanh sự cố cháy nổ, sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026;

- Đối với các vụ sự cố cháy nổ, tai nạn chết người đơn vị có trách nhiệm thông tin sơ bộ bằng cách nhanh nhất với đơn vị quản lý vận hành, Ban QLDA ĐTXD (trực tiếp, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc các hình thức khác).

b. Trình tự xử lý:

- Khi phát hiện vi phạm các quy định về quản lý phòng chống cháy nổ, an toàn lao động hoặc các nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố gây mất an toàn lao động phải có biện pháp xử lý, chấn chỉnh kịp thời;

quyết định việc tạm dừng thi công xây dựng đối với công việc có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố gây mất an toàn lao động; đình chỉ tham gia lao động đối với NLD không tuân thủ biện pháp kỹ thuật an toàn hoặc vi phạm các quy định về sử dụng dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân trong thi công xây dựng và báo cáo cho chỉ huy trưởng công trường hoặc cán bộ quản lý dự án;

- Ban QLDA/ TVGS theo dõi, giám sát việc NTXD khắc phục sự cố và báo cáo kết quả việc khắc phục sự cố theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và CĐT, báo cáo kết quả khắc phục sự cố theo quy định.

6.1.5 Nghiệm thu, đánh giá về công tác an toàn sau dự án:

- Nghiệm thu công việc trong quá trình xây dựng: Công tác nghiệm thu công việc xây dựng thực hiện theo quy định nhưng phải có sự tham gia của cán bộ phụ trách an toàn, xác nhận các biện pháp an toàn cho NLD; cho phép chuyển sang giai đoạn tiếp theo khi đã đủ điều kiện an toàn;

- Nghiệm thu các hạng mục an toàn của công trình: Bao gồm nhưng không hạn chế các nội dung nghiệm thu về PCCC, PCTT và các hạng mục khác theo yêu cầu của CĐT;

- Nghiệm thu khi hoàn thành xây dựng: Bao gồm các bước kiểm tra, đánh giá các điều kiện đảm bảo an toàn của công trình.

6.2. Bảo vệ môi trường:

a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường; phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định;

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

6.3. Vệ sinh môi trường:

Thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước và Luật bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng gói thầu này bao gồm các nội dung chủ yếu (nhưng không hạn chế) như sau:

- Thực hiện các biện pháp xử lý các loại chất thải, bao gồm: xử lý khí

	thải, xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, xử lý chất thải khác; - Thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung theo quy định cho phép; - Đất thừa sau khi thi công được vận chuyển và đổ đúng nơi quy định. Xe vận chuyển vật liệu phải có bạt che; - Tuân thủ, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, toàn bộ chi phí thực hiện công tác này đã bao gồm trong đơn giá dự thầu. - Công tác thu dọn và vệ sinh sau khi thi công: + Nhà thầu có trách nhiệm thu dọn, làm sạch và hoàn trả lại mặt bằng mà trong quá trình thi công đã bị hư hại hoặc chiếm dụng. Tất cả các máy móc, vật tư thiết bị, các nguyên vật liệu và đất đá còn dư trong quá trình thi công phải được dọn dẹp sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan chung của khu vực; + Công tác này chỉ được công nhận là hoàn tất khi được Chủ đầu tư xác nhận, và phải được hoàn tất trước ngày nghiệm thu đóng điện 03 ngày. 6.4. Phòng chống cháy nổ: Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy. 6.5. Nhà thầu sẽ bị phạt nếu vi phạm các lỗi như sau: 6.5.1 Vi phạm về an toàn lao động - vệ sinh lao động: + Không tổ chức huấn luyện an toàn lao động, hướng dẫn, thông báo cho người lao động về những quy định, biện pháp an toàn, những khả năng tai nạn lao động cần được đề phòng: Phạt tiền 500.000đ đến 2.000.000đ nếu nhà thầu vi phạm và phải khắc phục ngay trước khi triển khai thi công tại hiện trường; + Không thông báo kế hoạch thực hiện công việc ngày, tháng trên hiện trường cho CĐT/Ban QLDA/TVGS/đơn vị QLVH: Phạt tiền 3.000.000đ nếu nhà thầu vi phạm và phải khắc phục ngay trước khi triển khai thi công tại hiện trường; + Cá nhân không sử dụng phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp trong thời gian làm việc trên công trường (mũ bảo hộ,...): Phạt 100.000đ/người/lần vi phạm; + Không đeo dây an toàn khi làm việc trên cao hơn 2m và ngoài biên công trình (khi không sử dụng giải pháp an toàn bằng lan can theo quy định): Phạt 500.000đ/người/lần vi phạm; + Không bố trí biển báo an toàn, rào chắn tại các khu vực nguy hiểm: Phạt 1.000.000đ/Khu vực; + Không có sổ nhật ký an toàn lao động hoặc sổ nhật ký không ghi chép đầy đủ theo quy định: Phạt 500.000đ/lần vi phạm và phải khắc phục ngay; + Sử dụng thiết bị thi công không có giấy tờ lưu hành, vận hành theo quy định, không kiểm định hoặc đã hết thời gian kiểm định: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc di chuyển thiết bị ra khỏi phạm vi
--	--

	công trường, thay thế thiết bị có đầy đủ giấy tờ lưu hành, vận hành và được kiểm định theo quy định; + Để cá nhân tự tiện vận hành, sử dụng máy thi công không đúng nhiệm vụ: Phạt 500.000đ đến 1.000.000đ/lần vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật; + Không trang bị tủ thuốc và các dụng cụ sơ cấp cứu tại công trường (đối với công trình xây dựng nhà cửa): Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và phải khắc phục ngay; 6.5.2 Vi phạm về VSMT, PCCC, ANTT: + Không dọn vệ sinh trên công trình trong thi công hoặc sắp xếp vật tư, vật liệu trong kho bãi, làm cản trở giao thông nội bộ, không đảm bảo vệ sinh (có hình ảnh/ video vi phạm kèm theo và có xác nhận của đơn vị tư vấn giám sát): Nhắc nhở lần 1. Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm từ lần thứ hai trở đi; + Đốt lửa trên công trình khi chưa có sự cho phép: Phạt 500.000đ/người/lần vi phạm; + Đánh nhau, gây gỗ, làm mất an ninh trật tự trên công trường: Phạt 1.000.000đ/người/lần vi phạm. Trường hợp nghiêm trọng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật; 6.5.3 Vi phạm quy định về trật tự xây dựng: + Vi phạm quy định về xây dựng gây lún, nứt hoặc hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình lân cận (trước khi thi công, yêu cầu Nhà thầu chụp ảnh/quay phim hiện trạng các nhà lân cận để làm bằng chứng đối chiếu (tránh việc rủi ro các vết nứt có từ trước)): Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm, đồng thời phải ngừng thi công, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả (nếu Nhà thầu không tự đền bù cho bên thứ ba trong vòng 03 ngày, Chủ đầu tư sẽ lấy tiền từ đợt thanh toán tiếp theo để trả thay nhằm ổn định tình hình); + Vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình gây sụp đổ công trình lân cận: Phạt 2.000.000đ/lần vi phạm, đồng thời phải ngừng thi công, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả (nếu Nhà thầu không tự đền bù cho bên thứ ba trong vòng 03 ngày, Chủ đầu tư sẽ lấy tiền từ đợt thanh toán tiếp theo để trả thay nhằm ổn định tình hình); + Không che chắn hoặc có che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng, dụng cụ lao động hoặc các vật khác từ trên cao xuống các khu vực xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định (đối với công trình xây dựng nhà cửa): Phạt 5.000.000đ/lần vi phạm, buộc phải thực hiện che chắn ngay lập tức và khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại (nếu có); 6.5.4 Vi phạm quy định về sử dụng điện: + Dây điện thi công hở, rò điện, không được bọc cách điện hoặc không có thiết bị chống giật (bảo vệ dòng rò): Phạt 1.000.000đ/vị trí/lần vi phạm; + Treo buộc dây dẫn điện, tủ điện vào các cột sắt, hàng rào sắt và các
--	--

	vật tư có thể dẫn điện mà không có biện pháp cách điện tại các vị trí treo buộc: Phạt 1.000.000đ/vị trí/lần vi phạm + Các máy móc, thiết bị sử dụng điện không có dây nối đất: Phạt 500.000đ đến 1.000.000đ/máy/lần vi phạm 6.5.5 Về thi công xây dựng công trình: Nhà thầu sẽ bị phạt bổ sung ngoài mức phạt theo quy định hợp đồng cho các vi phạm sau: - Không dọn dẹp vệ sinh, hoàn trả mặt bằng theo giấy phép thi công: Phạt 1.000.000đ/lần; - Không có nhật ký thi công hoặc sổ nhật ký không ghi chép đầy đủ theo quy định: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; - Làm thất lạc mốc định vị hoặc mốc giới công trình: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc xác định lại mốc định vị, mốc giới công trình; - Không trình chủ đầu tư chấp thuận một trong các nội dung sau: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay. + Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm định chất lượng, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật + Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; thiết kế biện pháp thi công (trong đó có quy định cụ thể các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình) + Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng + Không lập hồ sơ quản lý chất lượng các công việc xây dựng theo quy định hoặc lập không phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại công trường. Không đầy đủ hồ sơ QLCL trước khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình đưa vào sử dụng: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; + Không tuân thủ quy định của thiết kế hoặc hợp đồng về sử dụng vật tư thiết bị: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc di chuyển VTTB ra khỏi phạm vi công trường đồng thời thay thế VTTB theo đúng thiết kế hoặc hợp đồng; + Không lập bản vẽ hoàn công theo quy định hoặc lập bản vẽ hoàn công không đúng thực tế thi công: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; + Sử dụng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng hoặc thiết bị công nghệ không có chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hoặc sai khác, hư hỏng so với vật tư, vật liệu đã được nghiệm thu ban đầu: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; + Thi công sai thiết kế đã được phê duyệt hoặc sai chỉ dẫn kỹ thuật:
--	--

	Phạt 3.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; + Thiếu kết quả thí nghiệm theo quy định; nghiệm thu chất lượng vật liệu không đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật hoặc thiếu hồ sơ về chất lượng: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; + Thi công không đúng với thiết kế biện pháp thi công được duyệt: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; + Không thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận hoặc không thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động, chạy thử liên động theo kế hoạch đã được chủ đầu tư chấp thuận trước khi đề nghị nghiệm thu: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; + Không lập hệ thống quản lý chất lượng; Hoặc lập hệ thống quản lý chất lượng không phù hợp với quy mô công trình; Hoặc hệ thống quản lý chất lượng không nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận liên quan đến quản lý chất lượng công trình: Phạt 1.000.000đ/lần vi phạm và buộc khắc phục ngay; 7. Phạt hợp đồng do chậm tiến độ nộp Hồ sơ quyết toán: Trong thời hạn quy định theo hợp đồng (hoặc thỏa thuận giao việc), Nhà thầu thi công (ĐVTC) sẽ nộp cho Chủ đầu tư bộ Hồ sơ quyết toán hoàn chỉnh, đầy đủ các mẫu biểu theo quy định của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thi công (ĐVTC) cung cấp thêm một số hồ sơ khác khi các hồ sơ cung cấp nêu trên chưa hợp lý hoặc chưa đủ cơ sở để hoàn chỉnh quyết toán hợp đồng. Nếu chậm tiến độ nộp Hồ sơ quyết toán theo quy định trên, Nhà thầu thi công (ĐVTC) phải nộp bảng giải trình và nêu rõ nguyên nhân dẫn đến việc chậm trễ: Nếu vì lý do khách quan không thể hoàn thành đúng thời hạn hợp đồng sẽ được trình cho Chủ đầu tư chấp nhận bằng văn bản. Nếu do yếu tố chủ quan của Nhà thầu thi công (ĐVTC) dẫn đến việc chậm trễ tiến độ quyết toán theo quy định trên thì Chủ đầu tư sẽ áp dụng hình thức phạt tiền đối với nhà thầu như sau: Nhà thầu thi công nộp hồ sơ chậm thì phạt: Chậm trễ 10 ngày đầu, mỗi ngày phạt 0,1%/ngày. Các ngày tiếp theo phạt 0,15%/ngày so với giá trị hợp đồng (hoặc giá trị nhân công). Tổng số tiền phạt do trễ hạn nộp hồ sơ quyết toán không quá 04% giá trị hợp đồng. 8. Phạt hợp đồng do không đảm bảo chất lượng Trong trường hợp nhà thầu vi phạm các điều khoản liên quan đến nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình theo hợp đồng, Nhà thầu phải chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 3% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Phương thức phạt hợp đồng: Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm hợp đồng, số tiền phạt sẽ được Chủ đầu tư trừ vào giá trị còn lại chưa thanh toán của hợp đồng (hoặc giá trị nhân công tự thực hiện).
--	---

	Ghi chú: Tổng các mức phạt trong hợp đồng (bao gồm cả phạt quyết toán) không được vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng vi phạm.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: 270 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trước khi nghiệm thu hoàn thành không quá 07 ngày.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 5% giá trị hợp đồng
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 20 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.